

## CHƯƠNG TRÌNH

**phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội,  
chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025**

-----

### Phần thứ nhất

## **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020**

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Cùng với mục tiêu phát triển kinh tế, mục tiêu phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân luôn được Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố quan tâm đặc biệt, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Trên cơ sở Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố và các văn bản của Trung ương về phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân, các cấp ủy đảng, chính quyền Thành phố đã triển khai quán triệt, phổ biến đến đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Nội dung của các Nghị quyết được thể chế hóa thành chủ trương, chính sách, Chương trình, Kế hoạch của Thành phố và được thực hiện đồng bộ, quyết liệt. Nhiều chính sách đặc thù của Thành phố được ban hành và đi vào thực tiễn cuộc sống. Thành phố luôn quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn xã hội hóa để đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân. Các cuộc vận động, các phong trào thi đua được triển khai hiệu quả, thiết thực, có tính lan tỏa, phát huy truyền thống tốt đẹp, đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc. Huy động được cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia.

#### **1. Phát triển hệ thống an sinh xã hội**

Lĩnh vực lao động, việc làm của Thủ đô có bước phát triển mạnh mẽ, hệ thống 8 điểm, 5 sàn giao dịch việc làm vệ tinh tại các quận, huyện hoạt động hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm bình quân cho 154.000 lao động/năm. Các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy thị trường lao động được đẩy mạnh. Tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 2,3%. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng, số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng nhanh qua các năm và dần trở thành trụ cột

quan trọng của hệ thống an sinh xã hội. Đến nay tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90,1% dân số. Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc chiếm 37,59% tổng số người trong độ tuổi lao động; tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 0,81%; tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 36%.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Thành phố ban hành chuẩn nghèo riêng cao 1,6 lần so với chuẩn nghèo quốc gia; nhiều chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù của Hà Nội được ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Thành phố hoàn thành mục tiêu giảm nghèo trước 02 năm, cuối năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo còn 0,21%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn là 0,37%; khu vực 14 xã miền núi là 0,96%. Các chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện đúng, đủ, kịp thời theo quy định. Các gia đình, cá nhân gặp rủi ro bất khả kháng được trợ giúp đột xuất kịp thời. Thành phố hoàn thành tốt công tác hỗ trợ các đối tượng chính sách bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo quy định. Thực hiện tốt Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi và trợ giúp người khuyết tật. Mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau được xây dựng và nhân rộng, người khuyết tật được hỗ trợ vay vốn, giới thiệu việc làm. 100% người cao tuổi, người khuyết tật được trợ cấp hàng tháng, cấp thẻ bảo hiểm y tế... theo quy định.

Hệ thống dịch vụ xã hội được cải thiện, cơ bản đảm bảo quyền học tập, chăm sóc y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông phục vụ Nhân dân. Hạ tầng giáo dục và cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được đầu tư, trang bị khá đồng bộ, hiện đại, tỷ lệ trường chuẩn Quốc gia năm 2020 đạt 75%. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều đổi mới, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Các bệnh viện, cơ sở y tế được đầu tư nâng cấp; y đức và thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế được nâng cao. 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Số giường bệnh/vạn dân đạt 27,1%; số bác sĩ/vạn dân đạt 13,5%. Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Tỷ suất sinh thô, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm qua từng năm. Đời sống văn hóa, tinh thần Nhân dân ngày càng được cải thiện, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư, phong trào văn hóa, thể thao được đẩy mạnh. Các loại hình nhà ở cho đối tượng có thu nhập trung bình và thu nhập thấp được phát triển; nhà ở thương mại phục vụ tái định cư phát triển theo cơ chế đặt hàng; tổng diện tích sàn nhà ở đạt 27,25m<sup>2</sup>/người. Bảo đảm an toàn điện lưới, cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt. 100% hộ dân thành thị và 75% hộ dân khu vực nông thôn được cung cấp nước sạch. Hầu hết các hộ dân có điện thoại, 100% xã, phường, thị trấn có kết nối internet. Tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 20,05%.

## 2. Nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân

Nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố, đồng thời là mục tiêu để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Chất lượng cuộc sống người dân Thủ đô từ thành thị đến nông thôn, khu vực xa trung tâm, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được cải thiện rõ rệt. Hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được tăng cường đầu tư cải tạo, xây mới.

Chính sách người có công được quan tâm đặc biệt, đời sống người có công không ngừng được nâng cao. Các quyền cơ bản của trẻ em được đảm bảo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm chăm sóc, trợ giúp hiệu quả. Kế hoạch hành động nâng cao thể lực và tầm vóc thanh niên Hà Nội được triển khai rộng rãi, thiết thực. Đầu tư lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao công cộng ngoài trời; phong trào luyện tập, thể dục thể thao phát triển mạnh và trở thành nhu cầu tự giác trong Nhân dân. Thực hiện hiệu quả chương trình sửa học đường lớn nhất cả nước, tỷ lệ trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học tham gia chương trình đạt trên 90%.

Công tác bảo vệ môi trường được tích cực triển khai, tỷ lệ hòa táng đạt 64%. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được quan tâm, mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội được nhân rộng. Các câu lạc bộ sau cai nghiện, đội tình nguyện xã hội được duy trì và hoạt động hiệu quả. Nhận thức của xã hội về bình đẳng giới được nâng lên.

Sự quan tâm của Thành phố trong công tác chăm lo đời sống Nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng yếu thế trong xã hội đã góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc (HPI), tạo nên cuộc sống hạnh phúc, no ấm, tiến bộ của mỗi gia đình, góp phần tạo ra một xã hội hạnh phúc, hài hòa và công bằng.

## II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Hạn chế, khuyết điểm

- Việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chưa nghiêm túc, nhiều doanh nghiệp đóng không đúng mức quy định, chậm đóng, nợ đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ảnh hưởng đến việc giải quyết các chế độ, quyền lợi của người lao động. Đến ngày 30/12/2020, trên địa bàn Thành phố có 43.737 đơn vị (856.177 lao động) nợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với tổng số tiền là 3.358 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ nợ là 6,64%; trong đó có 10.399 đơn vị ngừng giao dịch, giải thể, phá sản, chủ bỏ trốn, mất tích với số tiền nợ là 1.210 tỷ đồng.

- Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đồng đều ở các tuyến; chưa giải quyết hiệu quả tình trạng quá tải ở một số chuyên khoa tại các bệnh viện tuyến Thành phố; công tác y tế dự phòng, nhất là ở cơ sở chưa thực sự bền vững. Tỷ lệ ung thư, mắc bệnh nặng ngày càng trẻ hóa.

- Hầu hết hệ thống chợ dân sinh đã xuống cấp, diện tích bố trí các ngành nghề, gian hàng chưa đảm bảo quy định. Số lượng các chợ được cải tạo, sửa chữa đáp ứng quy chuẩn xây dựng và an toàn thực phẩm còn thấp do vướng mắc về cơ chế, chính sách. Chưa có chợ đầu mối nên khó kiểm soát an toàn thực phẩm, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng trước khi lưu thông. Xử lý môi trường, nước thải, rác thải chưa đáp ứng được yêu cầu, tồn đọng rác thải sinh hoạt vẫn xảy ra gây bức xúc trong Nhân dân.

- Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực đầu tư dành cho hệ thống dịch vụ xã hội (*giáo dục, đào tạo nghề chất lượng cao; chăm sóc sức khỏe; cơ sở chăm sóc người cao tuổi, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; cơ sở hạ tầng phục vụ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; chợ dân sinh...*) còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, các công trình công cộng đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng và đáp ứng nhu cầu dân sinh còn chậm.

- Chênh lệch mức sống giữa nông thôn - thành thị, giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi với nông thôn chậm cải thiện, thu nhập khu vực thành thị cao gấp 1,97 lần khu vực nông thôn. Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững. Vẫn còn xảy ra một số vụ bạo lực gia đình, bạo hành, xâm hại trẻ em gây bức xúc xã hội, tỷ lệ tái nghiện còn cao, mô hình hỗ trợ sau cai nghiện chưa thực sự đạt hiệu quả.

## **2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan: tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Mặc dù Thành phố đã đạt được những kết quả to lớn, thế và lực tăng lên, hình ảnh, uy tín được nâng cao, tuy nhiên Thành phố phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do quy mô dân số lớn và gia tăng cơ học nhanh; xu hướng già hóa dân số; tác động của quá trình đô thị hóa, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, đặc biệt đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô, ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống và việc làm của Nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan: năng lực lãnh đạo, điều hành của một số địa phương, đơn vị chưa quyết liệt, thiếu năng động, sáng tạo. Sự phối hợp giữa các sở, ngành, quận, huyện, thị xã còn thiếu chặt chẽ. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong Nhân dân hiệu quả chưa cao. Bản thân người lao động chưa thực sự kiên quyết trong đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa thường xuyên, kịp thời, nắm bắt tình hình cơ sở chưa được quan tâm đúng mức. Nguồn lực đầu tư từ ngân sách dành cho hệ thống an sinh xã hội còn thấp. Chưa phát huy hết tiềm năng nguồn lực phục vụ công tác an sinh, phúc lợi xã hội.

**Phần thứ hai**  
**MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**  
**GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU**

Quán triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ Thành phố, Thành ủy xác định mục tiêu, quan điểm, chỉ tiêu như sau:

**1. Mục tiêu**

**1.1. Mục tiêu tổng quát**

Giải quyết hài hòa, hiệu quả giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội và quản trị xã hội. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực thành thị - nông thôn, phấn đấu đạt nhiều chỉ tiêu cao hơn mức chuẩn quốc gia, góp phần xây dựng Thành phố phát triển nhanh, bền vững và tiến bộ.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội
  - + Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách và hiện đại hóa hệ thống quản lý nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội. Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; tạo việc làm bền vững, đảm bảo thu nhập tối thiểu. Mở rộng vững chắc diện bao phủ của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế toàn dân.
  - + Phát triển hệ thống an sinh xã hội phù hợp, đa dạng, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của Nhân dân theo hướng tiến bộ, hiện đại. Mở rộng mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng; phát triển đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp.
- Nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân
  - + Quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025; Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
  - + Thực hiện hiệu quả các chính sách đảm bảo tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân. Nâng cao phúc lợi xã hội, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa

thành thị và nông thôn, hướng tới phát triển bền vững. Nâng cao chất lượng dân số (sức khỏe thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ...), thực hiện tốt công tác dân số gia đình, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi. Thường xuyên quan tâm chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng chính sách người có công, hộ gia đình có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em... Thực hiện bình đẳng giới, đảm bảo công bằng trong tiếp cận các phúc lợi xã hội của mỗi người dân, đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội.

## 2. Chỉ tiêu

### 2.1. Phát triển hệ thống an sinh xã hội

- (1) Tỷ lệ thất nghiệp: dưới 3%.
- (2) Giải quyết việc làm: 160.000 lượt người/năm.
- (3) Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động: 50%, (trong đó tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: 47%; tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: 3%).
- (4) Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động: 40%.
- (5) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế: 95%.
- (6) Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố.
- (7) Duy trì 100% người thuộc diện bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp hàng tháng, cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Từng bước nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và giảm độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội.
- (8) 100% cá nhân, hộ gia đình gặp rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp đột xuất kịp thời.
- (9) Duy trì 100% học sinh khuyết tật, học sinh là đối tượng bảo trợ xã hội, học sinh thuộc hộ nghèo được miễn học phí. Từng bước mở rộng đối tượng học sinh thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% học phí.
- (10) Số giường bệnh/vạn dân: 30 - 35.
- (11) Số bác sỹ/vạn dân: 15.
- (12) Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế: 100%.
- (13) Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe: 100%.
- (14) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất: 85%.
- (15) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất: 90%.

## 2.2. Nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân

(1) Tuổi thọ bình quân: 76,5 tuổi.

(2) Mức sinh thay thế: 2,1 con/phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

(3) Người có công với cách mạng cơ bản có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn.

(4) Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí, xã hội: 55%.

(5) Xã, phường, thị trấn có Quỹ chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi: 100%.

(6) Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học tham gia chương trình sữa học đường: từ 90% trở lên.

(7) Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng so với năm trước: 0,1%/năm.

(8) Duy trì tỷ lệ 100% người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo được miễn tiền vé khi sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn của Thành phố. Bổ sung đối tượng là nhân khẩu thuộc hộ cận nghèo; thân nhân liệt sỹ; thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng và trẻ em thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được miễn tiền vé.

(9) Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp: 100%.

(10) Các trường hợp bị bạo lực trên cơ sở giới, trẻ em bị xâm hại, bạo lực khi phát hiện được can thiệp, trợ giúp kịp thời: 100%.

(11) Tỷ lệ hỏa táng: 73-75%.

(12) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn xây dựng mô hình quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng: 100%.

## 3. Yêu cầu

- Bám sát, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ Thành phố để xây dựng và thực hiện hiệu quả Chương trình. Luôn quán triệt và chấp hành nghiêm túc, vận dụng sáng tạo, có hiệu quả sự lãnh đạo, chỉ đạo, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tiễn của Thủ đô. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân với phương châm "*dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra và dân thụ hưởng*".

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng hiện đại, đảm bảo tính hệ thống, công bằng, đa dạng, linh hoạt, huy động mọi nguồn lực đảm bảo an sinh xã hội. Cung cấp các dịch vụ xã hội toàn diện, có chất lượng, đảm bảo Nhân dân Thủ đô được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Việc triển khai thực hiện Chương trình phải tiến hành quyết liệt, đồng bộ, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, phân công nhiệm vụ và lộ trình thực hiện cụ thể. Các đề án, chuyên đề, kế hoạch được ban hành đảm bảo “*dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra, giám sát*”.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

### **A. Nhiệm vụ chủ yếu**

#### ***1. Phát triển hệ thống an sinh xã hội***

1.1. Phát triển thị trường lao động, tạo việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu cho người dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp phổ thông. Tổ chức tốt các chương trình dạy nghề, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Tăng cường công tác xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và lao động có bằng cấp, chứng chỉ theo quy định; đẩy mạnh xuất khẩu lao động cùng với nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng công tác dự báo để chủ động chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu, xu thế phát triển; nâng cao tỷ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi nghề.

Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và có sự quản lý, kiểm soát, điều tiết của Nhà nước, hướng đến việc làm bền vững; quan tâm giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Đầu tư cơ sở vật chất, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống sản giao dịch việc làm.

1.2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường các giải pháp, biện pháp khắc phục tình trạng nợ đọng, trốn đóng bảo hiểm xã hội để đảm bảo các quyền lợi, chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; tập trung thực hiện kiểm soát chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế chặt chẽ; tăng cường phòng chống lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.



1.3. Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp giảm nghèo nhanh, bền vững, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả. Giúp hộ nghèo tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện sinh kế, có thu nhập ổn định và nỗ lực vươn lên thoát nghèo bền vững. Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, trong đó tập trung nguồn lực, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

1.4. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, từng bước giảm độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội, nâng mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ hàng tháng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố. Chủ động bố trí nguồn lực và tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản: giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, phương tiện công cộng... Thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao chất lượng dân số, chất lượng y tế cơ sở và y tế dự phòng. Trợ giúp kịp thời cho các cá nhân, hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gặp rủi ro. Khuyến khích các mô hình, sáng kiến trong cộng đồng về xây dựng và củng cố mạng lưới an sinh xã hội phi chính thức.

1.5. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, linh hoạt cả về chất lượng và số lượng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế, người dân tộc thiểu số. Đầu tư nâng cấp hệ thống các cơ sở trợ giúp xã hội có quy mô, xứng tầm với các nước trong khu vực và thế giới. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ công tác xã hội và đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

1.6. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, bố trí ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội hàng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay đáp ứng nhu cầu của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần tạo việc làm, thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

## **2. Nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân**

2.1. Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện thu nhập, nâng cao mức tiêu dùng, hướng tới người dân có cuộc sống hài hòa, khá giả. Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực thành thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giáo dục, đào tạo. Nâng cao năng lực

y tế, chất lượng khám chữa bệnh đồng đều ở các tuyến, đa dạng hóa các dịch vụ khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu Nhân dân. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ định xét nghiệm, điều trị nội trú, dịch vụ kỹ thuật, thuốc và vật tư y tế nhất là các dịch vụ kỹ thuật và thuốc bệnh đắt tiền.

2.3. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đồng bộ, đạt tiêu chuẩn theo quy định; phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Cải tạo, nâng cấp các công viên, vườn hoa, sân chơi. Kêu gọi đầu tư các công viên giải trí đạt tiêu chuẩn quốc tế, công viên chuyên đề, giải trí, nghỉ ngơi.

2.4. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ phát triển và nâng cao đời sống Nhân dân vùng dân tộc thiểu số, miền núi trên địa bàn Thành phố (như cung cấp các mặt hàng thiết yếu, hỗ trợ lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại; đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp, thương mại, cải tạo, nâng cấp chợ dân sinh đáp ứng yêu cầu chợ an toàn thực phẩm và văn minh thương mại...). Tổ chức hoạt động điều tiết lưu thông hàng hóa, cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, bình ổn thị trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường phòng chống hàng giả, hàng nhái, hàng không đảm bảo chất lượng lưu thông trên thị trường. Đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, chợ dân sinh, đảm bảo nước sạch và môi trường.

2.5. Thường xuyên quan tâm, chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng chính sách người có công với cách mạng, người cao tuổi, hộ có thu nhập thấp, đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người nghèo... Thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, đảm bảo người có công với cách mạng cơ bản có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi, để người cao tuổi được sống thọ, sống vui, sống khỏe, sống có ích. Tăng cường các hoạt động trợ giúp, đầu tư nâng cấp xây dựng các trung tâm nuôi dưỡng người có công, bảo trợ xã hội, công tác xã hội, từng bước cải tạo cơ sở hạ tầng, giao thông công cộng đảm bảo người khuyết tật có thể tiếp cận, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người khuyết tật, giúp họ hòa nhập cộng đồng. Hỗ trợ đảm bảo việc làm ổn định, thực hiện tốt phúc lợi xã hội cho người lao động, quan tâm hỗ trợ lao động có hoàn cảnh khó khăn. Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, tạo điều kiện, cơ hội phát triển bình đẳng, toàn diện cho mọi trẻ em. Quan tâm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho Nhân dân, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em và thực hiện mục tiêu cải thiện, nâng cao tầm vóc cho người dân. Tăng cường hỗ trợ đầu tư, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, bảo đảm hiệu quả công tác quản lý cai nghiện, giúp đối tượng sớm hòa nhập cộng đồng. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực gia đình. Nhân rộng mô hình địa bàn không có tệ nạn xã hội; Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

2.6. Chủ động phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng chống dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19. Kịp thời thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ người dân bị thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh góp phần sớm ổn định đời sống của Nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội.

## **B. Giải pháp trọng tâm**

### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội**

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân Thủ đô thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, để nâng cao hơn nữa nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Xác định rõ chính sách xã hội chăm lo cho người dân là nhiệm vụ chiến lược, là trách nhiệm thường xuyên của Đảng, Nhà nước, Thành phố, các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Đặt con người vào trung tâm chính sách, phát triển kinh tế phải gắn với đảm bảo tiên bộ và công bằng xã hội, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đoàn kết, “tương thân, tương ái” của dân tộc. Đồng thời khuyến khích sự nỗ lực vươn lên, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại của các đối tượng thụ hưởng chính sách.

### **2. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống an sinh xã hội đảm bảo tính đa dạng, toàn diện, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của Thành phố**

Phát triển hệ thống chính sách xã hội đảm bảo toàn diện, bao trùm và bền vững. Tập trung hoàn thiện, bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù đảm bảo các nhóm yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Ban hành mức chuẩn nghèo và chuẩn trợ cấp xã hội cao hơn mức chuẩn chung của cả nước, hỗ trợ các hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô. Xây dựng, triển khai thực hiện cơ chế thí điểm tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý. Các chính sách được ban hành đảm bảo linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, khả năng huy động, cân đối nguồn lực và đảm bảo tính khả thi. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống an sinh xã hội, đầu tư xây dựng, nâng cấp, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội, trung tâm dưỡng lão, các chuyên khoa về lão khoa đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

### **3. Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình**

- Hiện đại hoá hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Đây mạnh cải cách hành chính, tăng cường phối hợp, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thực hiện chính sách pháp luật.

- Củng cố, kiện toàn, sắp xếp hệ thống các trung tâm trợ giúp xã hội đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện, hiện đại và chất lượng. Đổi mới tư duy, phương pháp lãnh đạo, quản lý, điều hành, đa dạng hóa hình thức hoạt động công tác xã hội, phát huy tối đa vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu quả quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền, đặc biệt là sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính - xã hội và các tầng lớp Nhân dân trong việc phát triển, xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiến bộ, hiện đại.

- Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển mạng lưới cán bộ, nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

### **4. Đa dạng hóa các nguồn lực huy động, đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện công khai, minh bạch trong khai thác, quản lý, sử dụng nguồn lực**

Tăng cường huy động các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội. Ngân sách Thành phố giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, tương xứng với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân; trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Nguồn kinh phí ngân sách thực hiện theo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách theo quy định. Tạo điều kiện về cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia, đóng góp của cộng đồng xã hội, các doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực.

### **5. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm về phát triển hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, từng bước nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân ngang bằng với khu vực và quốc tế**

Tăng cường trao đổi, hợp tác, học tập kinh nghiệm với các địa phương và trong khu vực, trên thế giới về phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội. Đổi mới, sáng tạo trong công tác đối ngoại, xác định hiệu quả không chỉ là nguồn lực mà còn là sức mạnh mềm góp phần xây dựng và phát triển Thủ đô. Chủ động, tích cực nắm bắt, tận dụng các cơ hội, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực của hội nhập quốc tế đến đời sống Nhân dân. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước”, liên kết, hợp tác với các tỉnh, Thành phố trên tinh thần hiệu quả, cùng tiến bộ.

## Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

#### 1. Ban Thường vụ Thành ủy

Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Hằng năm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các tổ chức đảng trực thuộc, cơ quan, đơn vị của Thành phố. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm, sơ kết Chương trình vào năm 2023 và tổng kết Chương trình vào năm 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, trên cơ sở các Nghị quyết, chỉ thị, chỉ tiêu của Trung ương ban hành mới, cũng như thực tiễn kinh tế - xã hội của Thủ đô liên quan đến lĩnh vực thuộc nội hàm của Chương trình để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp.

#### 2. Ban Chỉ đạo Chương trình

Khảo sát, nghiên cứu, tham mưu các cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố, triển khai xây dựng các kế hoạch, đề án... để cụ thể hóa Chương trình và tổ chức thực hiện. Phối hợp với Ban Chỉ đạo các Chương trình công tác khác của Thành ủy, nhất là trong thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ liên quan đến phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống Nhân dân Thủ đô nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình. Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội Thành phố, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy tham mưu công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

#### 3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố

Chỉ đạo cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình thông qua Nghị quyết của HĐND Thành phố; bố trí kinh phí để thực hiện các đề án, kế hoạch, chuyên đề công tác cụ thể hóa nội dung Chương trình. Tăng cường giám sát hoạt động của các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

#### 4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố

Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình; giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành Thành phố tham mưu xây dựng các đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách; đề xuất các dự án đầu tư, nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình có hiệu quả, thiết thực, đạt được mục tiêu đề ra. Tăng cường đôn đốc, hướng dẫn các

cấp, các ngành tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy kết quả thực hiện Chương trình. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực, cơ chế khuyến khích các nguồn lực xã hội tham gia phát triển an sinh xã hội, chăm lo phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân. Đồng thời có chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, trực lợi đối tượng xã hội nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích chính đáng cho Nhân dân và các đối tượng chính sách.

### **5. Các ban đảng và Văn phòng Thành ủy**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vận động cán bộ, đảng viên, Nhân dân tích cực tham gia Chương trình số 08 của Thành ủy. Phối hợp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình của các cấp, các ngành, định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

### **6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ban Thường vụ Thành đoàn**

Xây dựng kế hoạch và các đề tài, đề án, chuyên đề cụ thể để thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua, cuộc vận động và các hoạt động xã hội, tạo sự đồng thuận và vào cuộc của cả xã hội. Tổng hợp, nắm tình hình thực tiễn và các ý kiến phản ánh của Nhân dân để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với Ban Thường vụ Thành ủy.

### **7. Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy; các sở, ban, ngành Thành phố**

Xây dựng các đề án, chuyên đề, kế hoạch cụ thể hóa nội dung Chương trình và triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Lãnh đạo các sở, ban, ngành Thành phố chịu trách nhiệm trước Thành ủy, UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình theo lĩnh vực nội dung, tiêu chí được phân công phụ trách. Cấp ủy các quận, huyện, thị ủy chịu trách nhiệm trước Thành ủy về việc triển khai thực hiện Chương trình ở địa phương, hằng năm bố trí ngân sách, huy động các nguồn lực và tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra. Định kỳ hằng năm, tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình đảm bảo đúng chất lượng, tiến độ và mục tiêu của Chương trình, chủ động tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, cách làm hiệu quả để Chương trình đạt chất lượng cao, báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo Chương trình, Ban Thường vụ Thành ủy.

## II. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

**1. Năm 2021:** Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các cấp ủy và các cơ quan, đơn vị trong toàn Thành phố. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trong cả nhiệm kỳ. Triển khai nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch, đề án, dự án, chuyên đề để cụ thể hóa thực hiện Chương trình.

**2. Từ năm 2021 đến năm 2024:** Tập trung tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chuyên đề, kế hoạch. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm và sơ kết giữa kỳ.

**3. Năm 2025:** Tổ chức kiểm tra, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trước khi tổ chức Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII./.

### Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (*để báo cáo*),
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Đảng đoàn HĐND Thành phố,
- Ban cán sự đảng UBND Thành phố,
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Thành phố,
- Các ban đảng, Văn phòng Thành ủy,
- Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành Thành phố,
- Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố,  
Ban Thường vụ Thành đoàn,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các đ/c Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy. *Amel*

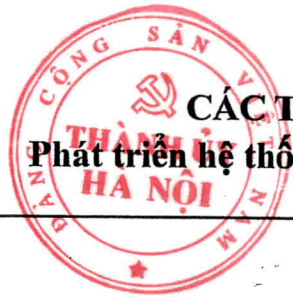


**Vương Đình Huệ**





**CÁC TIÊU CHÍ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH SỐ 08 CỦA THÀNH ỦY KHÓA XVII**  
**Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô**



TT	Tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Chỉ tiêu của Trung ương đến năm 2025	Chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
<b>I. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI</b>							
1	Tỷ lệ thất nghiệp	2,3% (Thành thị 3,22%, nông thôn 1,57%)	Thành thị <4% (không quy định nông thôn)	<b>Dưới 3%</b>	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Cục Thống kê	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP lần thứ XVII
2	Giải quyết việc làm	180.578 lượt người (bình quân giai đoạn 2016-2020 là 154.000)	Không quy định	<b>160.000 lượt người/năm</b>	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch của Thành phố hàng năm
3	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, trong đó:	38.4%	45%	<b>50%</b>	Bảo hiểm xã hội	Sở LĐTBXH, các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	Chương trình hành động số 22-Ctr/TU ngày 24/8/2018 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 BCH TW Đảng khóa XII về cải cách chính sách BHXH
	- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	37.59%	42.50%	<b>47%</b>			
	- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động (nông dân, lao động khu vực phi chính thức)	0.81%	2.50%	<b>3%</b>			
4	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	36%	35%	<b>40%</b>	Bảo hiểm xã hội	Sở LĐTBXH, UBND quận, huyện, thị xã	Chương trình hành động số 22-Ctr/TU ngày 24/8/2018 của Thành ủy

TT	Tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Chỉ tiêu của Trung ương đến năm 2025	Chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
5	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	90,1%	95%	95%	Bảo hiểm xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch 73-KH/TU ngày 27/01/2018 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 BCH TW khóa XII "Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới"
6	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo của Thành phố)	Cơ bản không còn hộ nghèo 0,21%	Giảm 1-1,5%/năm	Cơ bản không còn hộ nghèo	Sở Lao động-Thương binh và Xã	UBND quận, huyện, thị xã	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP lần thứ XVII
7	Duy trì tỷ lệ người thuộc diện bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp hàng tháng, cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Từng bước nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và giảm độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội.	100%	Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội TP; UBND quận, huyện, thị xã	Chính sách thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
8	Duy trì tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình gặp rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp đột xuất kịp thời	100%	Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	UB MTTQ TP, Hội Chữ thập đỏ TP, UBND quận, huyện, thị xã	Chính sách thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ
9	Duy trì tỷ lệ học sinh khuyết tật, học sinh là đối tượng bảo trợ xã hội, học sinh thuộc hộ nghèo được miễn học phí. Từng bước mở rộng đối tượng học sinh thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% học phí.	100%	Không quy định	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở LĐTBXH, UBND quận, huyện, thị xã	Chính sách thực hiện theo: - Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; - Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình mới thoát nghèo ổn định cuộc sống)

TT	Tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Chỉ tiêu của Trung ương đến năm 2025	Chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
10	Số giường bệnh/vạn dân	27,1	30	30 - 35	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP lần thứ XVII
11	Số bác sỹ/vạn dân	13,5	10	15	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP lần thứ XVII
12	Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế	100%		100%	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TP lần thứ XVII
13	Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe		Không quy định	100%	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Chỉ tiêu phần đầu của Chương trình
14	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	80%	70% (mục tiêu đến 2030)	85%	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND TP. thực hiện Chiến lược Dân số VN đến năm 2030
15	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất	85%	90% (mục tiêu đến 2030)	90%	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND TP. thực hiện Chiến lược Dân số VN đến năm 2030
<b>II. NÂNG CAO PHÚC LỢI XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NHÂN DÂN</b>							
1	Tuổi thọ bình quân	75,5	75,5	76,5	Sở Y tế	Cục Thống kê	
2	Mức sinh thay thế (bình quân số con/phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	2,08	2,1	2,1	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND TP. thực hiện Chiến lược Dân số VN đến năm 2030
3	Tỷ lệ người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn	Cơ bản đạt		<b>Cơ bản đạt</b>	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	UBND quận, huyện, thị xã	Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW5 khóa XI "một số vấn đề về chính sách xã hội GD 2012-2020"
4	Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí, xã hội	45%	50%	55%	Bảo hiểm xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	Chương trình hành động số 22-Ctr/TU ngày 24/8/2018 của Thành ủy

TT	Tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Chỉ tiêu của Trung ương đến năm 2025	Chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Quỹ chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi	99.10%	Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	UBND quận, huyện, thị xã	Chỉ tiêu phần đầu của Chương trình
6	Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học tham gia chương trình sữa học đường	91.16%	Không quy định	Từ 90% trở lên	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND quận, huyện, thị xã	Thành phố đã thực hiện theo Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của UBND TP phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học trên địa bàn TPHN GD 2018-2020
7	Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng so với năm trước			0,1%/năm	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Chương trình hành động của UBND Thành phố
8	- Duy trì tỷ lệ người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo được miễn tiền vé khi sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn của Thành phố. - Từng bước bổ sung đối tượng là nhân khẩu thuộc hộ cận nghèo; thân nhân liệt sỹ; thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng và trẻ em thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được miễn tiền vé.	100%	Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Sở Giao thông Vận tải; UBND quận, huyện, thị xã	Chính sách thực hiện theo Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND TP về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn
9	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	99.53%	Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND quận, huyện, thị xã	Chỉ tiêu phần đầu của Chương trình (thực hiện theo Luật Trẻ em)

TT	Tiêu chí	Kết quả thực hiện đến năm 2020	Chỉ tiêu của Trung ương đến năm 2025	Chỉ tiêu của Chương trình đến năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
10	Các trường hợp bị bạo lực trên cơ sở giới, trẻ em bị xâm hại, bạo lực khi phát hiện được can thiệp, trợ giúp kịp thời		Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND quận, huyện, thị xã	Chỉ tiêu phần đầu của Chương trình (thực hiện theo Luật Trẻ em)
11	Tỷ lệ hòa táng	64%	Không quy định	73-75%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND quận, huyện, thị xã	Chỉ tiêu phần đầu của Chương trình (chính sách hỗ trợ hòa táng quy định tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND TP)
12	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn xây dựng mô hình quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng	10%	Không quy định	100%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND quận, huyện, thị xã	Chỉ tiêu phần đầu của Chương trình

**CÁC NHÓM TIÊU CHÍ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHÁC CỦA THÀNH ỦY****Liên quan đến phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Cơ quan phụ trách</b>	<b>Thuộc Chương trình Thành ủy</b>
<b>I. NHÓM TIÊU CHÍ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI</b>			
1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Chương trình số 06
2	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Chương trình số 06
3	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo	Chương trình số 06
4	Tiêu chí về đảm bảo người dân được tiếp cận với các phương tiện thông tin, truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Chương trình số 06
5	Tỷ lệ hộ dân có nhà ở đạt chuẩn theo quy định	Sở Xây dựng	Nhà ở đô thị thuộc Chương trình 03; Nhà ở nông thôn thuộc Chương trình 04
6	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	Sở Xây dựng	Nước sạch thành thị thuộc Chương trình 03; Nước sạch nông thôn thuộc Chương trình 04
<b>II. NHÓM TIÊU CHÍ LIÊN QUAN ĐẾN NÂNG CAO PHÚC LỢI XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NHÂN DÂN</b>			
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Cục Thống kê	Chương trình số 02
2	Nhóm tiêu chí xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chương trình số 04
3	Các tiêu chí về chợ dân sinh	Sở Công thương	- Chợ khu vực thành thị thuộc Chương trình 03 - Chợ nông thôn thuộc Chương trình 04
4	Các tiêu chí về bảo vệ môi trường sống, xử lý chất thải, nước thải	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chương trình số 05
5	Tiêu chí về số xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao	Sở Văn hóa Thể thao	Chương trình số 06

**DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH SỐ 08 CỦA THÀNH ỦY****"Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025"**

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành xây dựng văn bản	Thời gian thực hiện
	<b>Nghị quyết thực hiện Chương trình số 08 của Thành ủy</b>	HĐND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các thành viên BCD; Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2021	2022-2025
	<b>I. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI</b>					
1	Kế hoạch giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý I hàng năm	Hàng năm
2	Đề án tiếp tục tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống sàn giao dịch việc làm thành phố Hà Nội	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
3	Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
4	Kế hoạch nâng cao hiệu quả nguồn vốn vay giải quyết việc làm của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố; Sở Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
5	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội	UBND Thành phố	Bảo hiểm xã hội Thành phố	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý I hàng năm	Hàng năm
6	Kế hoạch về việc thực hiện các giải pháp, biện pháp thu hồi nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Bảo hiểm xã hội Thành phố	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
7	Kế hoạch tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hành vi lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Bảo hiểm xã hội Thành phố	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
8	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu về số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Bảo hiểm xã hội Thành phố	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
9	Quyết định phê duyệt Phương án Cứu trợ và đảm bảo đời sống nhân dân thành phố Hà Nội	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II hàng năm	Hàng năm

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành xây dựng văn bản	Thời gian thực hiện
10	Đề án thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	HĐND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2022-2025
11	Quyết định chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2021	2022-2025
12	Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội	HĐND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2022	Từ năm 2023
13	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Thành phố (Sau khi Trung ương ban hành quy hoạch toàn quốc)	HĐND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2022	Từ năm 2023
14	Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giường bệnh/vận dân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Y tế	Sở KHĐT, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình VHXH; UBND các Q,H,TX	Quý II/2020	2021-2024
15	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Ngành Y tế Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Y tế	Các Sở: Tài chính, Nội vụ, các trường Đại học, Cao đẳng Y, dược	Quý II/2021	2021-2025
16	Kế hoạch nâng cấp cải tạo, xây mới các trạm y tế duy trì tiêu chuẩn quốc gia y tế xã theo quy định của Bộ Y tế	UBND Thành phố	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
17	Kế hoạch triển khai mô hình trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình	UBND Thành phố	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Quý I/2021	2021-2025
18	Kế hoạch khám, quản lý sức khỏe cho người dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Y tế	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025



TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành xây dựng văn bản	Thời gian thực hiện
	<b>II. NÂNG CAO PHÚC LỢI XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NHÂN DÂN</b>					
1	Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	UBND Thành phố	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố	2021-2030
2	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng nâng cao mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn	HĐND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2022	Từ năm 2023
3	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030	UBND Thành phố	Ban Dân tộc	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Quý II/2021	2021-2025
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030.	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Kế hoạch số 239/KH-UBND của UBND Thành phố	2021-2030
5	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia người cao tuổi đến năm 2030	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2030
6	Đề án vận động nguồn lực bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
7	Kế hoạch thực hiện Chương trình chiến lược quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	2021-2030
8	Đề án quản lý các cửa hàng kinh doanh an toàn thực phẩm trong chợ dân sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	UBND Thành phố	Sở Công thương	UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2025
9	Đề án sửa học đường giai đoạn 2021-2023	UBND Thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	2021-2025
10	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	2021-2030

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành xây dựng văn bản	Thời gian thực hiện
11	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội đến năm 2030	UBND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	2021-2030
12	Chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội.	HĐND Thành phố	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Nghị quyết số 03/2020/NQ ngày 07/07/2020 của HĐND Thành phố	Từ năm 2021

**DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH SỐ 08 CỦA THÀNH ỦY**

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Trong đó	
			Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	Dự án mới dự kiến giai đoạn 2021-2025
1	Các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng bệnh viện chuyển tiếp	1.925.689	1.925.689	
2	Cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nhiệm vụ nghĩa trang Văn Điển giai đoạn I, II	486.000	486.000	
3	Dự kiến các Dự án nâng cấp, xây mới bệnh viện trên địa bàn các huyện có kế hoạch nâng cấp lên thành quận	1.600.000		1.600.000
4	Dự kiến các Dự án cải tạo, nâng cấp bệnh viện phát triển thành cơ sở y tế mũi nhọn hoặc chuyên khoa đầu ngành của Thành phố	1.565.000		1.565.000
5	Dự kiến các Dự án nâng cấp, cải tạo, xây mới các bệnh viện để đáp ứng yêu cầu về quy mô, công năng, công suất hoạt động	4.154.766		4.154.766
6	Dự kiến các Dự án nâng cấp, cải tạo, xây mới các trạm y tế duy trì tiêu chuẩn quốc gia về y tế xã	1.000.000		1.000.000
7	Dự kiến Dự án đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng sàn giao dịch việc làm thành phố Hà Nội	100.000		100.000
8	Dự kiến các Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội của Thành phố	228.305		228.305
9	Dự kiến các Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công của Thành phố	80.000		80.000
10	Dự kiến các Dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp các cơ sở cai nghiện ma túy của Thành phố	90.000		90.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.229.760</b>	<b>2.411.689</b>	<b>8.818.071</b>

